

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: **40/2017/DS-ST**

Ngày: 27-9-2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thanh Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Ông Thanh Bạch**.

2. Ông **Trần Quang Trí**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Phước Đạt**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thúy Trang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số B, đường T, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh ST.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1960 (có mặt) theo Giấy ủy quyền ngày 20/3/2017.

Địa chỉ: Số B, đường T, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh ST.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số Z, đường K, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh ST.

Địa chỉ nơi làm việc: Số A, đường E, phường T, thành phố ST, tỉnh ST.

Chỗ ở hiện nay: Số D, đường F, phường XK, quận NK, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án

cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th là ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Vào ngày 26/3/2009 (âm lịch) là ngày 20/4/2009 (dương lịch) bà Trần Thị Thanh H có hỏi vay của bà Th số tiền là 60.000.000 đồng, lãi suất là 0,5%/tháng, không xác định thời hạn vay, việc vay tiền có làm biên nhận “*Giấy nhận tiền ngày 26/3/2009 âm lịch*”. Sau khi vay bà H đã trả vốn cho bà Th số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 11/10/2012 trả 500.000 đồng, còn lại 59.500.000 đồng.
- Ngày 11/11/2012 trả 500.000 đồng, còn lại 59.000.000 đồng.
- Ngày 08/02/2013 trả 1.000.000 đồng, còn lại 58.000.000 đồng.
- Ngày 21/3/2013 trả 500.000 đồng, còn lại 57.500.000 đồng.
- Ngày 01/4/2013 trả 1.000.000 đồng, còn lại 56.500.000 đồng.
- Ngày 05/7/2013 trả 500.000 đồng, còn lại 56.000.000 đồng.
- Ngày 30/11/2013 trả 1.000.000 đồng, còn lại 55.000.000 đồng.
- Ngày 29/7/2014 trả 500.000 đồng, còn lại 54.500.000 đồng.
- Ngày 10/02/2015 trả 500.000 đồng, còn lại 54.000.000 đồng.
- Ngày 08/4/2015 trả 500.000 đồng, còn lại 53.500.000 đồng.
- Ngày 26/6/2015 trả 500.000 đồng, còn lại 53.000.000 đồng.
- Ngày 26/9/2015 trả 500.000 đồng, còn lại 52.500.000 đồng.
- Ngày 16/4/2016 trả 500.000 đồng, còn lại 52.000.000 đồng.

Như vậy số tiền vốn bà H đã trả cho bà Th tổng cộng là 8.000.000 đồng, còn nợ lại tiền vốn là 52.000.000 đồng. Kể từ ngày 16/4/2016 đến nay bà H không trả vốn, lãi cho bà Th.

Nay bà Nguyễn Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Trần Thị Thanh H trả cho bà Nguyễn Thị Th tổng số tiền vốn vay là 52.000.000 đồng, bà Th yêu cầu bà H trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 20/4/2009 đến ngày 19/9/2017, cụ thể như sau:

- Khoản tiền lãi trên số tiền 60.000.000 đồng, tính từ ngày 20/4/2009 đến ngày 10/10/2012, số tiền 60.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 41 tháng 20 ngày = 28.147.500 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 59.500.000 đồng, tính từ ngày 11/10/2012 đến ngày 10/11/2012, số tiền 59.500.000 đồng x 1,125%/tháng x 01 tháng = 669.375 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 59.000.000 đồng, tính từ ngày 11/11/2012 đến ngày 07/02/2013, số tiền 59.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 02 tháng 27 ngày = 1.924.875 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 58.000.000 đồng, tính từ ngày 08/02/2013 đến

ngày 20/3/2013, số tiền 58.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 01 tháng 12 ngày = 913.500 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 57.500.000 đồng, tính từ ngày 21/3/2013 đến ngày 30/3/2013, số tiền 57.500.000 đồng x 1,125%/tháng x 09 ngày = 194.063 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 56.500.000 đồng, tính từ ngày 01/4/2013 đến ngày 04/7/2013, số tiền 56.500.000 đồng x 1,125%/tháng x 03 tháng = 1.970.438 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 56.000.000 đồng, tính từ ngày 05/7/2013 đến ngày 29/11/2013, số tiền 56.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 03 tháng 03 ngày = 1.953.000 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 55.000.000 đồng, tính từ ngày 30/11/2013 đến ngày 28/7/2014, số tiền 55.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 07 tháng 28 ngày = 4.908.750 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 54.500.000 đồng, tính từ ngày 29/7/2014 đến ngày 09/02/2015, số tiền 54.500.000 đồng x 1,125%/tháng x 06 tháng 11 ngày = 3.903.563 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 54.000.000 đồng, tính từ ngày 10/02/2015 đến ngày 07/4/2015, số tiền 54.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 01 tháng 28 ngày = 1.174.500 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 53.500.000 đồng, tính từ ngày 08/4/2015 đến ngày 25/6/2015, số tiền 53.500.000 đồng x 1,125%/tháng x 02 tháng 17 ngày = 1.544.813 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 53.000.000 đồng, tính từ ngày 26/6/2015 đến ngày 25/9/2015, số tiền 53.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 03 tháng = 1.788.750 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 52.000.000 đồng, tính từ ngày 26/9/2015 đến ngày 15/4/2016, số tiền 52.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 06 tháng 19 ngày = 3.880.500 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 52.000.000 đồng, tính từ ngày 16/4/2016 đến ngày 16/3/2017, số tiền 52.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 11 tháng = 6.435.000 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 52.000.000 đồng, tính từ ngày 16/3/2017 đến ngày 19/9/2017, số tiền 52.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 06 tháng = 3.510.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là: 62.918.627 đồng.

Như vậy bà Th yêu cầu bà H phải trả cho bà Th số tiền tổng cộng là 114.918.627 đồng. Trong đó số tiền vốn vay là 52.000.000 đồng, số tiền lãi là 62.918.627 đồng.

Kể từ ngày 19/9/2017 trở về sau bà Th không yêu cầu tính lãi nhưng khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Th thì bà H phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Thanh H trình bày:

Vào khoảng tháng 10/2007, bà H và bà Th có làm ăn qua lại tiền bạc, bà H có vay mượn tiền của bà Th với lãi suất 20%/tháng, bà H vay 06 lần, mỗi lần vay 10.000.000đồng, tổng số tiền bà H vay của bà Th là 60.000.000đồng.

Bà H trả tiền lãi mỗi ngày cho bà Th hoặc trả tiền lãi 02 ngày/lần. Bình quân mỗi ngày bà H đã trả tiền lãi cho bà Th số tiền là 1.200.000đồng. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2009, bà H đã trả cho bà Th được số tiền lãi là 57.600.000đồng, bà H trả trực tiếp cho bà Th nhưng không làm biên nhận.

Khi bà Th thấy bà H không còn khả năng đóng lãi nữa nên bà Th kêu bà H qua nhà của bà Th và bà Th đã đọc cho bà H viết Giấy mượn tiền ngày 26/3/2009 (âm lịch), bà Th nói với bà H rằng để lãi suất thỏa thuận là 0,5%/tháng chứ thực tế bà Th không lấy tiền lãi, bà Th yêu cầu bà H trả dần cho bà Th mỗi tháng là 500.000đồng vì thời điểm đó chồng của bà H bị bệnh. Từ thời điểm viết Giấy mượn tiền ngày 26/3/2009 (âm lịch) đến ngày khoảng tháng 9/2012, bà H đã trả cho bà Th được tổng số tiền vốn là 14.150.000đồng. Việc bà H trả tiền cho bà Th có ghi vào 02 quyển sổ theo dõi, bà Th giữ 01 quyển, bà H giữ 01 quyển. Sau đó, bà H dọn nhà nên làm thất lạc quyển sổ do bà H giữ, vì vậy bà H qua nhà bà Th để nhờ bà Th làm lại quyển sổ khác cho bà H. Thời điểm đó, bà Th không ghi chi tiết số tiền bà H đã trả cho bà Th mà bà Th chỉ ghi số tiền vốn bà H còn nợ bà Th là 45.850. (từ trước đến nay giao dịch giữa bà Th và bà H đều không có ghi ba số không ở phía sau, nên bà H vẫn thừa nhận bà H còn nợ bà Th là 45.850.000 đồng).

Sau khi được làm lại sổ theo dõi việc trả tiền, từ ngày 11/10/2012 đến 05/7/2013, bà H đã trả cho bà Th được tổng số tiền vốn là 4.000.000đồng. Việc bà H trả tiền cho bà Th có ghi vào 02 quyển sổ theo dõi, bà Th giữ 01 quyển, bà H giữ 01 quyển (đây là quyển sổ được bà Th ghi lại sau khi quyển sổ trước của bà H bị thất lạc). Sau đó quyển sổ do bà H giữ lại bị thất lạc, bà H nhờ bà ghi lại sổ theo dõi, nội dung trong sổ theo dõi này ghi lại số tiền bà H còn nợ bà Th là 45.850.000đồng và quá trình trả tiền vốn của bà H từ ngày 11/10/2012 đến 05/7/2013.

Từ ngày 30/11/2013 đến ngày 16/01/2016, bà H đã trả cho bà Th được tổng số tiền vốn là 4.000.000đồng. Việc bà H trả tiền cho bà Th có ghi vào 02 quyển sổ theo dõi, bà Th giữ 01 quyển, bà H giữ 01 quyển (đây là quyển sổ được bà Th ghi lại lần thứ 2 sau khi quyển sổ được ghi lại lần thứ 1 của bà H bị thất lạc). Sau đó, bà Th lấy quyển sổ do bà H giữ với lý do lần trả tiền vào ngày 16/01/2016 do ông Đ nhận. Ông Đ cho rằng ngày trả cuối cùng là ngày 16/4/2016 nhưng bà H không đồng ý, bà H cho rằng theo tài liệu bà H cung cấp là đúng có thể hiện ngày trả là ngày 16/01/2017).

Do đó, bà H chỉ còn nợ bà Th số tiền vốn là 37.850.000đồng. Bà H đồng ý trả cho bà Th số tiền vốn 37.850.000đồng, bà H sẽ trả cho bà Th mỗi tháng 300.000đồng đến khi trả xong số tiền vốn 37.850.000đồng. Đối với số tiền lãi mà bà H đã trả cho bà Th số tiền 57.600.000đồng trước đây thì bà H yêu cầu Tòa án xem xét trừ vào tiền vốn.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

Tại hồ sơ và tại tòa ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn bà H đều thừa nhận vào ngày 26/3/2009 (âm lịch) là ngày 20/4/2009 (dương lịch) bà Trần Thị Thanh H có hỏi vay của bà Nguyễn Thị Th số tiền là 60.000.000 đồng, theo “Giấy nhận tiền đề ngày 26/3/2009” (BL 29). Nền căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà H có vay của bà Th số tiền vốn là 60.000.000 đồng. Tuy nhiên giữa nguyên đơn và bị đơn chưa thống nhất về số tiền vốn đã trả, nguyên đơn thì cho rằng bị đơn mới trả được cho nguyên đơn số tiền vốn tính đến ngày 16/4/2016 là 8.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn là 52.000.000 đồng; Bị đơn thì cho rằng đã trả được cho nguyên đơn số tiền vốn là 22.150.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền vốn là 37.850.000đồng.

[2] Xét về số tiền vốn vay, thấy rằng:

Bà Th cho rằng tính đến thời điểm hiện nay bà H đã trả được số tiền vốn là 8.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn là 52.000.000 đồng. Bà Th có cung cấp “*Giấy nhận tiền đề ngày 26/3/2009, thể hiện bà H vay 60.000.000 đồng (BL 29)*” và giấy trả tiền vốn từng lần tổng số tiền vốn đã trả là 8.000.000 đồng “*Cô Hương*” (BL 30). Cụ thể như sau: Ngày 11/10/2012 trả 500.000 đồng, còn lại 59.500.000 đồng; Ngày 11/11/2012 trả 500.000 đồng, còn lại 59.000.000 đồng; Ngày 08/02/2013 trả 1.000.000 đồng, còn lại 58.000.000 đồng; Ngày 21/3/2013 trả 500.000 đồng, còn lại 57.500.000 đồng; Ngày 01/4/2013 trả 1.000.000 đồng, còn lại 56.500.000 đồng; Ngày 05/7/2013 trả 500.000 đồng, còn lại 56.000.000 đồng; Ngày 30/11/2013 trả 1.000.000 đồng, còn lại 55.000.000 đồng; Ngày 29/7/2014 trả 500.000 đồng, còn lại 54.500.000 đồng; Ngày 10/02/2015 trả 500.000 đồng, còn lại 54.000.000 đồng; Ngày 08/4/2015 trả 500.000 đồng, còn lại 53.500.000 đồng; Ngày 26/6/2015 trả 500.000 đồng, còn lại 53.000.000 đồng; Ngày 26/9/2015 trả 500.000 đồng, còn lại 52.500.000 đồng; Ngày 16/4/2016 trả 500.000 đồng, còn lại

52.000.000 đồng. So với giấy trả tiền vốn từng lần tổng số tiền vốn đã trả là 8.000.000 đồng “*Cô H*” (BL 30) bà Th cung cấp thì ngày cuối cùng trả tiền là ngày 16/01/2016 phù hợp với chứng cứ bà H cung cấp “*bđ = 11/10/1012 trả 500 và ngày cuối cùng là ngày 16/01/2016 trả 500*” (BL 36) chứ không phải là ngày 16/4/2016 như trong đơn khởi kiện.

Ngược lại, trong quá trình giải quyết vụ án bà H cũng thừa nhận có nợ bà Th số tiền vốn là 60.000.000 đồng nhưng số tiền vốn mà bà H đã trả cho bà Th là 22.150.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền vốn là 37.850.000 đồng. Để chứng minh cho việc trả vốn của mình bà H đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ sau: biên nhận viết trên tập học sinh thể hiện nội dung “*Cô H thiếu tổng cộng 45.850, bđ trả mỗi tháng tiền lương là 500*” (BL 35) và một biên nhận thể hiện việc trả vốn viết trên tập học sinh thể hiện nội dung trả tổng cộng 8.000.000 đồng “*bđ = 11/10/1012 trả 500 và ngày cuối cùng là ngày 16/01/2016 trả 500*”.

Bà H diễn giải đối với 02 biên nhận trên như sau: Khi bà Th thấy bà H không còn khả năng đóng lãi nữa nên bà Th kêu bà H qua nhà của bà Th và bà Th đã đọc cho bà H viết Giấy mượn tiền ngày 26/3/2009 (âm lịch), bà Th nói với bà H rằng để lãi suất thỏa thuận là 0,5%/tháng chứ thực tế bà Th không lấy tiền lãi, bà Th yêu cầu bà H trả dần cho bà Th mỗi tháng là 500.000 đồng vì thời điểm đó chồng của bà H bị bệnh. Từ thời điểm viết Giấy mượn tiền ngày 26/3/2009 (âm lịch) đến khoảng tháng 9/2012, bà H đã trả cho bà Th được tổng số tiền vốn là 14.150.000 đồng. Việc bà H trả tiền cho bà Th có ghi vào 02 quyển sổ theo dõi, bà Th giữ 01 quyển, bà H giữ 01 quyển. Sau đó, bà H dọn nhà nên làm thất lạc quyển sổ do bà H giữ, vì vậy bà H qua nhà bà Th để nhờ bà Th làm lại quyển sổ khác cho bà H. Thời điểm đó, bà Th không ghi chi tiết số tiền bà H đã trả cho bà Th mà bà Th chỉ ghi số tiền vốn bà H còn nợ bà Th là 45.850.000 đồng, điều này phù hợp với chứng cứ bà H cung cấp giấy “*Cô H thiếu tổng cộng 45.850, bđ trả mỗi tháng tiền lương là 500*”, đồng thời giấy này cũng được ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận đây là chữ viết của bà Th và cũng hoàn toàn phù hợp với diễn biến sự việc và lời trình bày của bà H.

Sau khi được làm lại sổ theo dõi việc trả tiền, từ ngày 11/10/2012 đến 05/7/2013, bà H đã trả cho bà Th được tổng số tiền vốn là 4.000.000 đồng. Từ ngày 30/11/2013 đến ngày 16/01/2016, bà H đã trả cho bà Th được tổng số tiền vốn là 4.000.000 đồng. Tổng cộng theo biên nhận này bà H đã trả cho bà Th số tiền vốn là 8.000.000 đồng. Xét thấy chứng cứ bà H cung cấp là biên nhận thể hiện việc trả vốn viết trên tập học sinh thể hiện nội dung trả tổng cộng 8.000.000 đồng “*bđ = 11/10/1012 trả 500 và ngày cuối cùng là ngày 16/01/2016 trả 500*” (BL 36) cùng với lời trình bày của bà H hoàn toàn phù hợp với nội dung và diễn biến sự việc và biên nhận này cũng được ông Đ thừa nhận là chữ viết của bà Th, mặc dù ông Đ cho rằng đó là chứng cứ của giao dịch khác giữa bà Th với bà H nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Đ đều không chứng minh được đó là giao dịch nào.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và chứng cứ phía

bị đơn đưa ra là hoàn toàn phù hợp với nội dung và diễn biến sự việc. Do đó, bà H cho rằng tính đến ngày 16/01/2016 bà H đã trả cho bà Th được số tiền vốn là 22.150.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền vốn là 37.850.000 đồng là có căn cứ.

Như vậy, trên thực tế giữa bà Th và bà H có giao kết hợp đồng vay tài sản. Các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy bà H đã nhận tiền vay của bà Th số tiền 60.000.000 đồng đến nay mới trả được số tiền 22.150.000 đồng như đã nhận định ở phần [2] là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại [khoản 1 Điều 474 của Bộ Luật Dân sự năm 2005](#). Hội đồng xét xử xác định số tiền vốn bà H còn nợ lại bà Th là 37.850.000 đồng.

Từ những phân tích, nhận định ở phần [1] và [2] cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H phải trả cho nguyên đơn bà Th số tiền vốn là 37.850.000 đồng.

Xét về số tiền lãi, thấy rằng:

Theo nhận định ở phần [1] và [2] thì số tiền vốn tính đến ngày 16/01/2016 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn là 37.850.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giao dịch giữa bà Th và bà H được xác lập vào 2009 theo biên nhận đề ngày 26/3/2009, đồng thời trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày mặc dù theo biên nhận ghi lãi suất là 0,5%/tháng nhưng thực tế không tính lãi suất; còn bị đơn thì cho rằng quá trình vay có trả lãi cho nguyên đơn và thực tế trả cao hơn mức lãi suất ghi trong biên nhận. Bình quân mỗi ngày bà H đã trả tiền lãi cho bà Th số tiền là 1.200.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2009, bà H đã trả cho bà Th được số tiền lãi là 57.600.000 đồng, bà H trả trực tiếp cho bà Th nhưng không làm biên nhận. Đến khi làm đơn khởi kiện thì nguyên đơn mới yêu cầu tính lãi suất như trên và tại phiên tòa ông Đ yêu cầu tính lãi đến ngày 19/9/2017 và không yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 19/9/2017 trở về sau, cụ thể như sau:

- Khoản tiền lãi trên số tiền 60.000.000 đồng, tính từ ngày 20/4/2009 đến ngày 10/10/2012, số tiền 60.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 41 tháng 20 ngày = 28.147.500 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 59.500.000 đồng, tính từ ngày 11/10/2012 đến ngày 10/11/2012, số tiền 59.500.000 đồng x 1,125%/tháng x 01 tháng = 669.375 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 59.000.000 đồng, tính từ ngày 11/11/2012 đến ngày 07/02/2013, số tiền 59.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 02 tháng 27 ngày = 1.924.875 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 58.000.000 đồng, tính từ ngày 08/02/2013 đến ngày 20/3/2013, số tiền 58.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 01 tháng 12 ngày = 913.500 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 57.500.000 đồng, tính từ ngày 21/3/2013 đến

ngày 30/3/2013, số tiền 57.500.000 đồng x 1,125%/tháng x 09 ngày = 194.063 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 56.500.000 đồng, tính từ ngày 01/4/2013 đến ngày 04/7/2013, số tiền 56.500.000 đồng x 1,125%/tháng x 03 tháng = 1.970.438 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 56.000.000 đồng, tính từ ngày 05/7/2013 đến ngày 29/11/2013, số tiền 56.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 03 tháng 03 ngày = 1.953.000 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 55.000.000 đồng, tính từ ngày 30/11/2013 đến ngày 28/7/2014, số tiền 55.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 07 tháng 28 ngày = 4.908.750 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 54.500.000 đồng, tính từ ngày 29/7/2014 đến ngày 09/02/2015, số tiền 54.500.000 đồng x 1,125%/tháng x 06 tháng 11 ngày = 3.903.563 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 54.000.000 đồng, tính từ ngày 10/02/2015 đến ngày 07/4/2015, số tiền 54.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 01 tháng 28 ngày = 1.174.500 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 53.500.000 đồng, tính từ ngày 08/4/2015 đến ngày 25/6/2015, số tiền 53.500.000 đồng x 1,125%/tháng x 02 tháng 17 ngày = 1.544.813 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 53.000.000 đồng, tính từ ngày 26/6/2015 đến ngày 25/9/2015, số tiền 53.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 03 tháng = 1.788.750 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 52.000.000 đồng, tính từ ngày 26/9/2015 đến ngày 15/4/2016, số tiền 52.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 06 tháng 19 ngày = 3.880.500 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 52.000.000 đồng, tính từ ngày 16/4/2016 đến ngày 16/3/2017, số tiền 52.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 11 tháng = 6.435.000 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 52.000.000 đồng, tính từ ngày 16/3/2017 đến ngày 19/9/2017, số tiền 52.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 06 tháng 03 ngày = 3.510.000 đồng.

Tổng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 62.918.627 đồng.

Do bà H thừa nhận có vay số tiền 60.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/3/2009 các bên thỏa thuận lãi suất là 0,5%/tháng, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận có biên nhận này, nhưng nguyên đơn thì cho rằng bị đơn chưa trả lãi, bị đơn thì cho rằng có trả lãi nhưng không chứng minh được nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là đúng. Xét thấy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là cao hơn so với mức lãi suất cơ bản của pháp luật quy định và cũng chưa phù hợp với biên nhận tiền ngày 26/3/2009, giao dịch giữa các bên được xác lập vào

năm 2009, đồng thời quá trình vay các bên có thỏa thuận lãi suất, nhưng trong quá trình giải quyết các bên không xác định rõ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 305, khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 điều chỉnh lại cho phù hợp, cụ thể:

- Khoản tiền lãi trên số tiền 60.000.000 đồng, tính từ ngày 20/4/2009 đến ngày 10/10/2012, số tiền 60.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 41 tháng 20 ngày = 18.750.000đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 45.350.000 đồng, tính từ ngày 11/10/2012 đến ngày 10/11/2012, số tiền 45.350.000 đồng x 0,75%/tháng x 01 tháng = 340.125 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 44.850.000 đồng, tính từ ngày 11/11/2012 đến ngày 07/02/2013, số tiền 44.850.000 đồng x 0,75%/tháng x 02 tháng 27 ngày = 975.488 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 43.850.000 đồng, tính từ ngày 08/02/2013 đến ngày 20/3/2013, số tiền 43.850.000 đồng x 0,75%/tháng x 01 tháng 12 ngày = 460.425 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 43.350.000 đồng, tính từ ngày 21/3/2013 đến ngày 31/3/2013, số tiền 43.350.000 đồng x 0,75%/tháng x 10 ngày = 108.375 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 42.350.000 đồng, tính từ ngày 01/4/2013 đến ngày 04/7/2013, số tiền 42.350.000 đồng x 0,75%/tháng x 03 tháng 03 ngày = 984.638 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 41.850.000 đồng, tính từ ngày 05/7/2013 đến ngày 29/11/2013, số tiền 41.850.000 đồng x 0,75%/tháng x 04 tháng 24 ngày = 1.506.600 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 40.850.000 đồng, tính từ ngày 30/11/2013 đến ngày 28/7/2014, số tiền 40.850.000 đồng x 0,75%/tháng x 07 tháng 28 ngày = 2.430.575 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 40.350.000 đồng, tính từ ngày 29/7/2014 đến ngày 09/02/2015, số tiền 40.350.000 đồng x 0,75%/tháng x 06 tháng 11 ngày = 1.926.712 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 39.850.000 đồng, tính từ ngày 10/02/2015 đến ngày 07/4/2015, số tiền 39.850.000 đồng x 0,75%/tháng x 01 tháng 28 ngày = 577.825 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 39.350.000 đồng, tính từ ngày 08/4/2015 đến ngày 25/6/2015, số tiền 39.350.000 đồng x 0,75%/tháng x 02 tháng 17 ngày = 757.487 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 38.850.000 đồng, tính từ ngày 26/6/2015 đến ngày 25/9/2015, số tiền 38.850.000 đồng x 0,75%/tháng x 03 tháng = 874.125 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 38.350.000 đồng, tính từ ngày 26/9/2015 đến ngày 15/01/2016, số tiền 38.350.000 đồng x 0,75%/tháng x 03 tháng 20 ngày = 1.054.625 đồng.

- Khoản tiền lãi trên số tiền 37.850.000 đồng, tính từ ngày 16/01/2016 đến ngày 19/9/2017, số tiền 37.850.000 đồng x 0,75%/tháng x 20 tháng 03 ngày = 5.705.888 đồng.

Tổng số tiền lãi là: 36.452.888 đồng.

Tổng số tiền vốn và tiền lãi:

37.850.000 đồng + 36.452.888 đồng = 74.302.888 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn bà Trần Thị Thanh H trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th tổng cộng số tiền vốn và lãi là 74.302.888 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn yêu cầu xem xét đối với số tiền lãi là 57.600.000 đồng đã trả trước đây trừ vào tiền vốn, do bị đơn không chứng minh được đã trả số tiền lãi là 57.600.000 đồng cho nguyên đơn và cũng không được nguyên đơn thừa nhận nên yêu cầu này của bị đơn không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phần tiền vốn vay là 37.850.000 đồng, phần tiền lãi là 36.452.888 đồng, tổng cộng là 74.302.888 đồng. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4] Về án phí:

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 92, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 305, [khoản 1 Điều 474](#), khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th: Buộc bị đơn Trần Thị Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị

Th tổng cộng số tiền 74.302.888 đồng, trong đó số tiền vốn vay là 37.850.000 đồng và tiền lãi là 36.452.888 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th về việc bà Th yêu cầu bà Trần Thị Thanh H thanh toán số tiền 40.615.739 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.715.144 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.030.787 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.506.600 đồng theo biên lai thu số 0005022 ngày 03/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí còn thừa là **475.813** đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thanh Loan